

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh tổng biên chế sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2024
và giao bổ sung biên chế viên chức giáo dục năm học 2023 - 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND Thành
phố về đề nghị bổ sung biên chế viên chức giáo dục năm học 2023-2024 theo
Quyết định số 2362-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức
Trung ương; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BPC ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban
Pháp chế, Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về việc giải trình một số nội dung về điều chỉnh tổng biên chế sự
nghiệp Thành phố năm 2024 và giao bổ sung biên chế viên chức giáo dục từ năm
học 2023 - 2024 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành
phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh tổng biên chế sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2024 cụ
thể như sau:

1. Tổng biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước là 116.185
biên chế, trong đó bao gồm:

- Số biên chế viên chức theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
của HĐND Thành phố: 113.537 biên chế;

- Số biên chế viên chức giáo dục được bổ sung theo Quyết định số 2362-
QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế
của thành phố Hà Nội năm 2024 và Quyết định số 6057-QĐ/TU ngày 13 tháng 12
năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về tổng biên chế của hệ thống chính trị thành
phố Hà Nội năm 2024: 2.648 biên chế.

Điều 2. Giao bổ sung 2.648 biên chế viên chức giáo dục từ năm học 2023-
2024 phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã, trong đó:

- Biên chế viên chức các trường trung học phổ thông: 447 biên chế;

- Biên chế viên chức các trường trung học cơ sở: 1.033 biên chế;

- Biên chế viên chức các trường tiểu học: 977 biên chế;
- Biên chế viên chức các trường mầm non: 191 biên chế.

(Kèm theo Biểu phân bổ chi tiết kèm theo)

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao bổ sung biên chế viên chức giáo dục theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, minh bạch. Thực hiện việc quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế giáo viên được giao.

2. Chỉ đạo việc tuyển dụng giáo viên trong chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm, cơ cấu môn học theo từng bậc học.

3. Tiếp tục đẩy mạnh việc nâng mức tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục công lập, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, theo đó giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng chủ trương theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022- 2026.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2024. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT
GIÁO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Đơn vị	Tổng	Số biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục giao bổ sung			
			Trung học cơ sở	Tiểu học	Mầm non	Trung học phổ thông
	TỔNG	2.648	1.033	977	191	447
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	447				447
II	Khôi quận, huyện, thị xã	2.201	1.033	977	191	
1	Hà Đông	505	80	286	139	
2	Hoàng Mai	490	145	303	42	
3	Thanh Xuân	296	85	201	10	
4	Thanh Trì	159	31	128		
5	Nam Từ Liêm	144	100	44		
6	Long Biên	132	132			
7	Bắc Từ Liêm	83	83			
8	Cầu Giấy	93	93			
9	Chương Mỹ	54	54			
10	Tây Hồ	44	29	15		
11	Mê Linh	44	44			
12	Thường Tín	44	44			
13	Mỹ Đức	42	42			
14	Đan Phượng	21	21			
15	Đông Anh	19	19			
16	Gia Lâm	16	16			
17	Thanh Oai	15	15			